

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2025/HNGĐ-ST

Ngày 01/8/2025

V/v "Ly hôn, tranh chấp con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Châu Phương

2. Bà Mai Thị Nhắc

T ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Sương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 161/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST –HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Yến T, sinh năm 2004. Địa chỉ: ấp Tân An, xã Thành Th, tỉnh V (ấp Tân A, xã Thành Th, huyện M, tỉnh B).

Bị đơn: Anh Trần Thanh T1, sinh năm 2001. Địa chỉ: ấp An Trạch Đ, xã Thành Th, tỉnh V (ấp An Trạch Đ, xã Thành Th, huyện M, tỉnh B).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Trần Thanh T1 quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 06 tháng 02 năm 2023. Thời gian đầu sau khi kết hôn hai vợ chồng sống rất hạnh phúc cùng nhau lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên sau một thời gian chung sống hai vợ chồng Tòng xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống cả hai không có tiếng nói chung. Nhận thấy cả hai không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau nên chị yêu cầu ly hôn với anh T1. Chị và anh T1 có 01 con chung tên Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày

14/4/2023, cháu V đang sống với chị, sau khi ly chị yêu cầu nuôi cháu V, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Thanh T1 đều vắng mặt nên không có lời khai.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Yến T, chị T được ly hôn với anh Trần Thanh T1; giao con chung Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 14/4/2023 cho chị T nuôi dưỡng, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu; tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Chị Võ Thị Yến T yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với anh Trần Thanh T1, anh T1 có nơi cư trú tại xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nay là xã Thành Thới, tỉnh Vĩnh Long nên quan hệ pháp luật là Ly hôn, tranh chấp con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn Võ Thị Yến T có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn Trần Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Yến T và anh Trần Thanh T1 xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào năm 2023 theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị T yêu cầu ly hôn anh T1 vì chị cho rằng trong quá trình chung sống chị và anh T1 thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh T1 để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T nhưng anh đều vắng mặt, đồng thời anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị T, điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng đối với chị T. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn

nhân của chị T và anh T1 đã thật sự đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1.

[2.2] Về con chung: Chị Võ Thị Yến T và anh Trần Thanh T1 có 01 con chung tên Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 14/4/2023, cháu V đang sống với chị T, được chị chăm sóc và nuôi dưỡng tốt nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị T về việc tiếp tục nuôi cháu V, ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Yến T khai chị và anh Trần Thanh T1 không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Võ Thị Yến T phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Đối với đề nghị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Yến T, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị Yến T được ly hôn với anh Trần Thanh T1.

2. Về con chung: Chị Võ Thị Yến T được quyền nuôi cháu Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 14/4/2023, anh Trần Thanh T1 không phải cấp dưỡng (do chị T không có yêu cầu).

Anh Trần Thanh T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc hay bên đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Yến T khai chị và anh Trần Thanh T1 không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng chị Võ Thị Yến T phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011781 ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9- Vĩnh Long (chị T đã nộp đủ án phí).

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV9-Vĩnh Long (1b);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng THADSKV9-Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Thành Thới (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở